

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Xét Tờ trình số 319/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 110/BC-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi chung

là Đề án) theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi chung là Thông tư số 17/2022/TT-BTC).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học viên tham gia các lớp học xóa mù chữ; giáo viên, người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ.
2. Trung tâm học tập cộng đồng; các cơ sở giáo dục; cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương theo quy định Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND).

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập.

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập theo quy định Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Chi tiền điện (hoặc chi thấp sáng) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng theo quy định khoản 5 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

6. Chi cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non, phổ thông (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục), xóa mù chữ: thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi hỗ trợ học phẩm đối với học viên các lớp học xóa mù chữ 500.000 đồng/học viên/năm học.

c) Chi hỗ trợ thấp sáng đối với các lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban đêm (theo thời gian thực tế học) 200.000 đồng/lớp/tháng.

d) Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập đối với các lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho giáo viên 300.000 đồng/người/năm học.

đ) Chi hỗ trợ mua sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ 1.200.000 đồng/lớp.

e) Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ 20.000 đồng/học viên/khóa học.

g) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

h) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy) theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC. Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ thì Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

7. Chi khen thưởng theo quy định khoản 7 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án theo nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách và các văn bản có liên quan.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc quy định mức chi hỗ trợ cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về quy định mức chi hỗ trợ cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các phường, xã;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều